

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục 82 thuốc sản xuất trong nước
được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 162 bổ sung 2

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-BYT ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc,

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 82 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 162 bổ sung 2.

Điều 2. Công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc lưu hành phải in số đăng ký được Bộ Y tế cấp lên nhãn thuốc và phải chấp hành đúng các quy định có liên quan tới sản xuất và lưu hành thuốc. Các số đăng ký có ký hiệu VD-...-18 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Công ty sản xuất và đăng ký chỉ được sản xuất và lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt quy định tại điểm a, b khoản 26 Điều 2 Luật Dược sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở

Điều 4. Đối với các thuốc ban hành kèm theo quyết định này và thuộc danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc theo quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc; công ty đăng ký, cơ sở sản xuất phải cập nhật quy định về thuốc độc trên nhãn và hướng dẫn sử dụng theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc và chỉ được sản xuất, lưu hành thuốc trên thị trường sau khi Cục Quản lý Dược phê duyệt nội dung cập nhật này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giám đốc công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (đề b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ CA;
- Cục Y tế giao thông vận tải- Bộ GTVT;
- Tổng Cục Hải Quan- Bộ Tài Chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TỰ và VKN thuốc TP.HCM;
- Tổng Công ty Dược VN - CTCP;
- Các bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc BYT;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược Mỹ phẩm – Cục QLD;
- Lưu: VT, KDD, DKT (15b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

DANH MỤC 82 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ HIỆU LỰC 5
NĂM - ĐỢT 162 BỔ SUNG 2

Ban hành kèm theo quyết định số: 751/QĐ-QLD, ngày 11.1.11.2018

1. Công ty đăng ký: Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam Sơn
(Đ/c: Gian E22-E23 - Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế - 134/1 Tô Hiến
Thành - Phường 15 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D
đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Tymolpain	Flunarizin (tương đương Flunarizin dihydroclorid 5,9mg) 5mg	Viên nang cứng (nâu-vàng)	36 tháng	TCCS	Hộp 06 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-30927-18

2. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần BV Pharma (Đ/c: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây-Huyện Củ
Chi-Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần BV Pharma (Đ/c: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây-Huyện Củ
Chi-Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Ausvair 75	Pregabalin 75mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-30928-18
3	Bài thạch - BVP	Mỗi viên chứa 300 mg cao khô chiết từ 2600 mg các dược liệu khô: Kim tiền thảo 1000mg, Nhân trần 250mg, Hoàng Cầm 150mg, Uất Kim 250mg, Bình Lang 100mg, Chí thực 100mg, Hậu Phác 100mg, Bạch mao căn 500mg,	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai 45 viên, hộp 1 chai 100 viên	VD-30929-18

		Mộc Hương 100mg, Đại hoàng 50mg					
4	Bivinadol - Codein fort	Paracetamol 500mg; Codein phosphat hemihydrat (tương đương 22,1mg codein) 30mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 6 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	VD-30930-18
5	Bổ thận dương - BVP	Mỗi viên chứa 300mg Cao khô hỗn hợp dược liệu chiết từ 1350mg các dược liệu khô sau: Hoài sơn 200mg, Sơn thù 200mg, Mẫu đơn bì 150mg, Thục địa 400mg, Trạch tả 150mg, Phục linh 150mg, Phụ tử chế 50mg, Quế 50mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vi nhôm/nhôm x 10 viên; hộp 6 vi nhôm/PVC x 10 viên, Hộp 1 chai 100 viên, hộp 1 chai 60 viên	VD-30931-18
6	Urilith	Cao khô Kim tiền thảo (tương đương 1500 mg Kim tiền thảo) 105mg; Cao khô Râu mèo (tương đương 600 mg Râu mèo) 60mg; Cao khô Chuối hột (tương đương hạt chuối hột 1000mg) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi hoặc 6 vi Alu/Alu x 10 viên; Hộp 3 vi hoặc 6 vi Alu/PVC x 10 viên, Hộp 1 chai 30 viên, Hộp 1 chai 60 viên	VD-30932-18

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed. (Đ/c: 263/9 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Đ/c: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Apidom	Mỗi 5ml chứa: Domperidon (dưới dạng domperidon maleat) 5mg	Hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 30 gói x 5ml, hộp 30 gói x 10ml, hộp 1 chai x 30ml	VD-30933-18

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh. (Đ/c: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Neurogiloban 80	Cao bạch quả (tương ứng với 19,2mg flavonoid toàn phần) 80mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, hộp 6 vi, hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ 100 viên	VD-30934-18

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam (Đ/c: Số 19, đường 18, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam (Đ/c: Số 19, đường 18, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Dung dịch dùng ngoài Mydumangin	Mỗi 30 ml dung dịch chứa 6ml Dịch chiết lá xoài 0,5% Mangiferin (tương ứng dung dịch chứa Mangiferin 0,1%)	Dung dịch dùng ngoài	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30 ml; Hộp 1 chai 60ml	VD-30935-18

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh (Đ/c: 21 Nguyễn Văn Cừ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh (Đ/c: Lô C1-1- KCN Quế Võ, Huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Viên nhai trị đau dạ dày Gaskiba	Cao đặc cam thảo (tương đương 0,2g cam thảo) 0,1g; Ô tặc cốt 0,2g; Nghệ 0,05g; Phèn chua 0,04g	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 15 viên	VD-30936-18

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: 10A - Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội - Việt Nam)

7.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Interbone	Calci (dưới dạng Calci carbonat 750 mg) 300 mg; Vitamin D3 (cholecalciferol) 200 IU	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vi x 10 viên	VD-30937-18
12	Overgra	Cao đặc Diệp hạ châu (10:1) 200 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi x 20 viên; lọ 90 viên	VD-30938-18
13	Overgra	Mỗi 10 ml chứa chất chiết từ dược liệu: Diệp hạ châu 10 g	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống x 10 ml; Hộp 1 lọ 100 ml	VD-30939-18

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh. (Đ/c: D19/37K Hương Lộ 80, xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM - Việt Nam)

8.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh. (Đ/c: D19/37K Hương Lộ 80, xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Cửu tử bổ thận	Cao khô hỗn hợp dược liệu 230mg (tương ứng với: Thò ty tử 400mg; Phúc bồn tử 400mg; Câu kỷ tử 400mg; Cửu thái tử 240mg; Phá cố tử 80mg; Xà sàng tử 80mg; Kim anh tử 80mg; Ngũ vị tử 80mg; Thực địa 400mg; Sâm dương hoắc 400mg; Nhân sâm 10mg); Bột dược liệu 263mg (tương ứng với: Thạch liên tử 240mg; Hải mã	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 40 viên; Hộp 2 túi x 5 vi x 10 viên	VD-30940-18

		10mg; Lộc nhung 10mg; Quế nhục 3mg)					
--	--	---	--	--	--	--	--

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà (Đ/c: 74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hoà - Việt Nam)

9.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà (Đ/c: Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hoà, TP. Nha Trang, Khánh Hoà - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Dexchlorpheniramin 6	Dexchlorpheniramin maleat 6mg	Viên nén	36 tháng	ĐĐVN IV	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 15 viên	VD-30941-18
16	Salbutamol	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfat) 2mg	Viên nén	36 tháng	ĐĐVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-30942-18

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

10.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Kim tiền thảo râu ngô	Cao khô kim tiền thảo (tương đương với 750 mg Kim tiền thảo) 50 mg; Cao khô râu ngô (tương đương 960 mg Râu ngô) 53 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-30943-18
18	Liverplant	Cao Cardus Marianus (tương đương 100 mg silymarin trong đó có 50 mg silybin) 200 mg; Vitamin B1 8 mg; Vitamin B2 8 mg; Vitamin B5 16 mg; Vitamin B6 8 mg; Vitamin PP 24 mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 12 vỉ x 5 viên	VD-30944-18
19	Lục Vĩ	Cao khô hỗn hợp (Thực địa 800 mg,	Viên nang cứng (xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-30945-18

		Hoài sơn 400 mg, Sơn thù 400 mg, Mẫu đơn bì 300 mg, Phục linh 300 mg, Trạch tả 300 mg) 496 mg					
20	Medi-Flu	Cao khô hỗn hợp được liệu (tương đương với: Kim ngân hoa 450 mg, Cát cánh 270 mg, Liên kiều 450 mg, Cam thảo 230 mg, Kính giới 200 mg, Đạm trúc điệp 300 mg, Ngưu bàng tử 300 mg) 534 mg; Tinh dầu bạc hà 2 mg	Viên nang cứng (Xanh-Xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-30946-18

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Đ/c: 415- Hàn Thuyên - Nam Định - Việt Nam)

11.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Đ/c: 415- Hàn Thuyên - Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	Naphagestrel	Mỗi viên màu vàng chứa: Levonorgestrel 150 mcg; Ethinyl estradiol 30 mcg; Mỗi viên màu nâu chứa: Sắt (II) fumarat 75 mg	Viên nén bao phim	60 tháng	BP 2016	Hộp 1 vi 28 viên gồm 21 viên màu vàng và 7 viên màu nâu	VD-30947-18

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm OPC. (Đ/c: 1017 Hồng Bàng - quận 6 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

12.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC (Đ/c: Số 09/ĐX 04-TH, tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp - Tân Uyên - Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

22	Dầu nóng mặt trời	Mỗi 20ml chứa: Methyl salicylat 6,221g; Camphor 2,1g; Tinh dầu quế 0,11g; Tinh dầu bạc hà 2,48g; Gừng 0,63g	Dầu xoa	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 20ml; hộp 1 chai 60ml	VD-30948-18
----	-------------------	---	---------	-------------	------	--	-------------

13. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV (Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

13.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV (Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	New Ameflu Multi-symptom relief	Mỗi 30ml chứa: Acetaminophen 960mg; Phenylephrin hydroclorid 15mg; Dextromethorphan hydrobromid 30mg; Clorpheniramin maleat 6mg	Si rô	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30ml; hộp 1 chai 60ml	VD-30949-18

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Đ/c: 93 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)

14.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Đ/c: Lô M1, đường N3, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Lopassi	Mỗi viên chứa 210 mg cao khô dược liệu tương đương: Lá sen 500 mg; Lá vông 700 mg; Lạc tiên 500 mg; Tâm sen 100 mg; Bình vôi 1000 mg	Viên bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 50 viên; Lọ 100 viên	VD-30950-18
25	Thuốc ho bổ phế Trường Bách Diệp	Mỗi chai 125 ml chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Bạch	Siro	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 125 ml	VD-30951-18

linh 0,9 g; Cát cánh 3,75 g; Tỳ bà diệp 9,75 g; Tang bạch bì 5,625 g; Ma hoàng 0,656 g; Thiên môn đông 1,208 g; Bạc hà 1,666 g; Bách bộ 12,5 g; Bán hạ chế 7,5 g; Mơ muối 2,813 g; Cam thảo 0,591 g; Ngũ vị tử 5,0 g; Phèn chua 0,208 g; Tinh dầu bạc hà 0,01 g; Menthol 0,075 g

15. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Long Hậu-Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

15.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Long Hậu-Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Sỏi thận đông dược việt	Mỗi viên chứa 0,19ml Cao lỏng hỗn hợp dược liệu tương đương 285mg dược liệu, bao gồm: Hoàng kỳ 100mg; Kim tiền thảo 75mg; Uy linh tiên 60mg; Chi xác 50mg; Bột hỗn hợp dược liệu: Đảng sâm 75mg; Kê nội kim 50mg; Bạch truật 50mg; Phục linh 150mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 3 vi x 10 viên; Chai 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên	VD-30952-18

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Đ/c: Số 777 đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc - Việt Nam)

16.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Đ/c: Thôn Mậu Thông-P.Khai Quang- TP. Vĩnh Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	Dung dịch rửa vết thương Natri clorid 0,9%	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 4,5g	Dung dịch dùng ngoài	36 tháng	TCCS	Chai 500ml; can 5 lít	VD-30953-18

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Xanh (Đ/c: Số 695 - Đường Lê Hồng Phong - Phường 10 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

17.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
28	Hoạt huyết dưỡng não	Cao khô lá bạch quả (tương đương với 19,2mg flavonoid toàn phần) 80mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên, 10 vi x 10 viên	VD-30954-18

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. (Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)

18.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. (Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Langga	Mỗi 125 ml siro chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Nhân sâm 12 g; Trần bì 4 g; Hà thủ ô đỏ 12 g; Đại táo 12 g; Hoàng kỳ 12 g; Cam thảo 6 g; Đương quy 8 g; Thăng ma 6 g; Táo nhân 12 g; Bạch truyệt 8 g; Sài hồ 6 g; Bạch thược 16 g; ;	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 125 ml	VD-30955-18
30	Phugia	Cam thảo 0,1 g; Bạch truật 0,1 g;	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi x 10 vi x 10 viên	VD-30956-18

		220 mg cao khô hỗn hợp dược liệu tương đương: Can khương 0,05 g; Mạch nha 0,1 g; Phục linh 0,1 g; Bán hạ chế 0,15 g; Đàng sâm 0,15 g; Hậu phác 0,2 g; Chi thực 0,3 g; Ngô thù du 0,25 g					
31	Siro ho Bách Thảo	Mỗi chai 125 ml chứa 10,5 g cao đặc tương đương dược liệu: Ma hoàng 8 g; Khổ hạnh nhân 12 g; Thạch cao 24 g; Cam thảo 6 g	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 125 ml	VD-30957-18

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Phúc Vinh (Đ/c: Lô CN 4-6.2 Khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

19.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Phúc Vinh (Đ/c: Lô CN 4-6.2 Khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Hoạt huyết dưỡng não	Cao đặc rễ Đinh lăng (tương đương 1,5 gam rễ Đinh lăng) 150 mg; Cao khô lá bạch quả (hàm lượng flavonoid toàn phần > 24%) 20 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	VD-30958-18
33	Hoạt huyết dưỡng não PV	Cao đặc rễ Đinh lăng (tương đương 1,5 gam rễ Đinh lăng) 150 mg; Cao khô lá bạch quả (hàm lượng flavonoid toàn phần > 24%) 60 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	VD-30959-18
34	Phong tê thấp PV	Cao đặc hỗn hợp (tương đương 3140 mg dược liệu bao gồm: Đương quy	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 100 viên nén; Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	VD-30960-18

		240 mg, Tân giao 240 mg, Bạch thược 240 mg, Đỗ trọng 240 mg, Tục đoạn 240 mg, Phục linh 240 mg, Thiên niên kiện 200 mg, Khương hoạt 180 mg, Độc hoạt 160 mg, Phòng phong 160 mg, Xuyên khung 160 mg, Sinh dịa 160 mg, Đảng sâm 160 mg, Ngưu tất 160 mg, Cam thảo 120 mg, Quế chi 80 mg, Tế tân 80 mg, Phụ tử chế 80 mg) 382,5 mg					
35	PV xoang	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương 1998 mg dược liệu: Hoàng kỳ 416 mg, Thương nhĩ tử 333 mg, Tân di hoa 250 mg, Bạch chi 250 mg, Bạch truat 250 mg, Phòng phong 250 mg, Kim ngân hoa 166 mg, Bạc hà 83 mg) 327,5 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 5 vi x 20 viên; Hộp 1 lọ 60 viên	VD-30961-18

20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c: 358 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

20.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c: 356 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Babyskygold	Mỗi 5 gam cốm chứa: Cao khô dược liệu 2,44g (tương ứng: Thục địa 3,2 g; Hoài sơn 1,6 g; Sơn thù du	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5 gam	VD-30962-18

		1,2 g; Mẫu đơn bì 0,8 g; Bạch linh 1,6 g; Thạch tả 1,2 g; Ngũ vị tử 1,2 g; Mạch môn 1,2 g)					
37	Bình vị Medifiz	Cao lỏng hỗn hợp được liệu: 100mg (tương đương: Bạch thược 317,5mg; Phục linh 238,1mg; Diên hồ sách 158,7mg); Cao khô cam thảo: 55mg (tương đương: Cam thảo 317,5mg); Bạch cập (bột) 238,1mg; Tam thất (bột) 9,9mg; Ô tặc cốt (bột) 31,7mg; Cao khô Belladonna 2,1mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Lọ 60 viên, 120 viên	VD-30963-18
38	Hoàn sáng mắt Diaban	Mỗi 9g hoàn cứng gồm: Thục địa 1,2g; Bạch tật lê 0,45g; Thạch quyết minh (nung) 0,6g; Bạch thược 0,45g; Sơn thù 0,6g; Mẫu đơn bì 0,45g; Hoài sơn 0,6g; Phục linh 0,45g; Thạch tả 0,45g; Câu kỷ tử 0,45g; Cúc hoa 0,45g; Đương quy 0,45g	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói x 9 g (túi nhôm); Lọ 90 g	VD-30964-18

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: 358 Giải phóng, P. Phương Liệt, Thanh xuân, Hà Nội - Việt Nam)

21.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c: 356 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
39	Ho bổ phế	Mỗi 100 ml chứa: Tinh dầu bạc hà 0,05ml; Cao lỏng	Siro	36 tháng	TCCS	Chai 100 ml; hộp 1 chai 125 ml	VD-30965-18

		hỗn hợp dược liệu: 48g (tương đương với: Tỳ bà diệp 5g; Ma hoàng 3g; Cát cánh 4g; Bách bộ 7g; Tang bạch bì 4g; Bạc hà 3g; Cam thảo 2g; Sa sâm 4g; Mơ muối 4,5g; Bán hạ 2g; Mạch môn 7,4g; Bạch linh 3,6g					
40	Thuốc ho bổ phế TW1	Tinh dầu bạc hà 3,2mg; Cao đặc hỗn hợp dược liệu: 80mg (tương ứng với: Bạch linh 36mg; Cát cánh 68,5mg; Tỳ bà diệp 130mg; Bán hạ 60mg; Bách bộ 75mg; Mơ muối 60mg; Thiên môn đông 48,5mg; Bạc hà 65mg; Cam thảo 25mg; Tang bạch bì 75mg; Ma hoàng 26,5mg)	Viên nén ngậm	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 12 viên	VD-30966-18

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Vacopharm (Đ/c: Số 59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An - Việt Nam)

22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Vacopharm (Đ/c: Km 1954, quốc lộ 1A, P. Tân Khánh, TP. Tân An, Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Vadol Codein EX	Paracetamol 300mg; Codein phosphat (dưới dạng Codein phosphat hemihydrat) 60mg	Viên nén bao phim (màu vàng)	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 25 vỉ x 4 viên; Hộp 15 vỉ x 6 viên; Chai 50 viên; Chai 100 viên	VD-30967-18

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tự y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
42	Cicaru	Mỗi gói chứa: Tam thất 1,5g	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, hộp 20 gói x 1,5g	VD-30968-18
43	Đại tràng Tibefer	Cao đặc Mộc hoa trắng 10:1 (tương đương 1g Mộc hoa trắng) 100mg; Mộc hương 100mg; Hoàng liên 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vi, hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 5 vi, hộp 10 vi x 4 viên	VD-30969-18
44	Dầu gấc 400 Haduroten	Dầu gấc 400mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên	VD-30970-18
45	Dầu gấc Haduroten	Dầu gấc 200mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên	VD-30971-18
46	Hakanoron	Mỗi gói 5g chứa: Cao hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Cam thảo 0,444g; Chi tử 0,444g; Đảng sâm 0,444g; Cát cánh 0,666g; Hắc táo nhân 0,888g; Hoàng bá 0,444g; Hoàng liên 0,444g; Lạc tiên 0,666g; Mạch môn 0,888g; Ngũ vị tử 0,444g; Sa sâm 0,444g; Sinh địa 1,333g; Thiên môn đông 0,666g; Thỏ ty tử 1,330g; Viễn chí 0,888g) 1,996g;	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5g, hộp 20 gói x 5g	VD-30972-18

		Bạch thực 0,666g; Đương quy 0,888g; Phục thần 0,888g					
47	Kim tiền thảo	Cao khô kim tiền thảo 10:1 (tương đương với 1,2g kim tiền thảo) 120mg	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 viên	VD-30973-18
48	Tanovigin Extra	Cao khô lá bạch quả (tương đương với không dưới 27,6mg Ginkgo flavonoid toàn phần) 120mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vi x 10 viên	VD-30974-18

24. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An (Đ/c: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An - Việt Nam)

24.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An (Đ/c: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
49	Alpharusa	Alpha Chymotrypsin (tương ứng với Alpha chymotrypsin 4200 đơn vị USP) 4,2mg	Viên nén phân tán	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-30975-18

25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar) (Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định - Việt Nam)

25.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar) (Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Bidacin	Diacerein 50mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-30976-18
51	Độc hoạt tang ký sinh Bidiphar	Cao khô toàn phần 352,1mg tương đương với: Độc hoạt 300mg; Phòng phong 200mg; Tang ký sinh 200mg; Tần giao 200mg; Bạch	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên; hộp 12 vi x 5 viên	VD-30977-18

thược 200mg; Ngưu
tất 200mg; Sinh địa
200mg; Cam thảo
200mg; Đỗ trọng
200mg; Tế tân
200mg; Quế nhục
200mg; Đảng sâm
200mg; Đương quy
200mg; Xuyên
khung 200mg; Phục
linh 200mg

26. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá (Đ/c: 232 Trần Phú, Thanh Hoá - Việt Nam)

26.1 Nhà sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược - Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa (Đ/c: Lô 4-5-6, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
52	Bổ gan Thephaco	Cao đặc Actisô (tương đương 1000mg Actisô) 100mg; Cao đặc rau đắng đất (tương đương 341 mg rau đắng đất) 75mg; Cao đặc diệp hạ châu đắng (tương đương 1000mg diệp hạ châu đắng) 100mg; Bột bìm bìm biếc 75mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vi, hộp 10 vi x 10 viên	VD-30978-18

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar. (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

27.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar. (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Piroxicam MKP	Piroxicam 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	ĐĐVN IV	Hộp 2 vi x 8 viên; Hộp 10 vi x 8 viên; Chai 100 viên	VD-30979-18

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

28.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Ginkokup 120 (CSNQ: Korea United Pharm. Inc - Địa chỉ: 25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-Myeon, Sejong-si, Korea)	Cao khô lá Bạch quả 95% (kl/kl) (tương đương 28,8mg flavonoid toàn phần) 120mg	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 2 túi nhôm x 3 vi/túi nhôm x 10 viên/vi	VD-30980-18

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Mặt Trời Mới (Đ/c: 36B/17 Đường 762 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

29.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần BV Pharma (Đ/c: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây-Huyện Củ Chi-Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
55	Nofotai 100	Cao khô tam thất 133,33mg (tương đương saponin toàn phần 100mg)	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên, hộp 1 chai 60 viên	VD-30981-18
56	Nofotai 50	Cao khô tam thất 66,67mg (tương đương saponin toàn phần 50mg)	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên, hộp 1 chai 60 viên	VD-30982-18

30. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (Đ/c: Lô I-8-2, Đường D8, Khu công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TPHCM - Việt Nam)

30.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (Đ/c: Lô I-8-2, Đường D8, Khu công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TPHCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
57	Alphachymotrypsine choyal	Chymotrypsin 21microkatal	Viên nén	18 tháng	TCCS	Hộp 2 vi x 10 viên; hộp 1 ống 40 viên	VD-30983-18

31. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố lý bốn, phường Tiên Phong, Tp. Thái Bình - Việt nam)

31.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố lý bốn, phường Tiên Phong, Tp. Thái Bình - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
58	Ceprico	Cao đặc rễ đinh lăng (tương đương 2400mg Rễ đinh lăng) 300mg; Cao khô lá bạch quả (tương ứng lá bạch quả 1000mg, tương đương không dưới 24mg flavonoid toàn phần) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, 5 vỉ x 10 viên, Hộp 01 lọ x 60 viên	VD-30984-18
59	Đại tràng H/B	Mỗi viên chứa 280,5mg cao khô hỗn hợp tương đương với các dược liệu: Bạch truật 600mg, Mộc hương 200mg, Hoàng Liên 100mg, Cam thảo 120mg, Bạch Linh 400mg, Đảng sâm 200mg, Thần khúc 200mg, Trần Bì 400mg, Sa Nhân 200mg, Mạch nha 200mg, Sơn Tra 200mg, Sơn dược 400mg, Nhục đậu khấu 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 01 lọ x 100 viên	VD-30985-18
60	Diệp hạ châu KH	Cao khô diệp hạ châu (tương đương 3000 mg Diệp hạ châu) 300mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ x 45 viên, hộp 01 lọ x 60 viên, hộp 01 lọ x 100 viên, hộp 3 vỉ nhôm/PVC x 10 viên, 5 vỉ nhôm/PVC x 10 viên, 10 vỉ nhôm/PVCx	VD-30986-18

						10 viên, hộp 3 vi nhôm/nhôm x 10 viên, 5 vi nhôm/nhôm x 10 viên, 10 vi nhôm/nhôm x 10 viên	
--	--	--	--	--	--	--	--

32. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

32.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Dextromethorphan 15 mg	Dextromethorphan hydrobromid 15mg	Viên nang cứng (đen-xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vi, 10 vi x 10 viên; Chai 100 viên	VD-30987-18
62	Dextromethorphan 15mg	Dextromethorphan hydrobromid 15mg	Viên nang cứng (xanh lá nhạt-ngà)	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vi, 10 vi x 10 viên; Chai 200 viên.	VD-30988-18
63	Dourso - S	Acid ursodeoxycholic 50mg; Thiamin mononitrat 10mg; Riboflavin 5mg	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	VD-30989-18

33. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh (Đ/c: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội -)

33.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa linh (Đ/c: Lô B3, Khu công nghiệp Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Thuốc xoang định phong	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với: Thương nhĩ từ 0,79g, Tế tân 0,79g, Tân di 0,79g, Bạch chỉ 0,09g, Kim ngân hoa 0,79g, Liên kiều 0,61g, Bạc hà 0,48g, Cam thảo	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 6 vi x 10 viên	VD-30990-18

65	Thuốc xoang định phong	0,24g) 372 mg Mỗi chai 125 ml chứa dịch chiết hỗn hợp dược liệu (1,3:1) (tương đương với Thương nhĩ tử 14,77g, Kim ngân hoa 14,77g, Liên kiều 11,36g, Cam thảo 4,55g, Tân di 14,77g) 46 ml; Dịch chiết hỗn hợp dược liệu (4,03:1) (tương đương với Tế tân 14,77g, Bạch chỉ 20,45g, Bạc hà 9,09g) 11 ml	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 125 ml	VD-30991-18
----	------------------------	---	----------	----------	------	-------------------	-------------

34. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông dược Xuân Quang (Đ/c: Số 53/2, QL 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang - Việt Nam)

34.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông dược Xuân Quang (Đ/c: Số 53/2, QL 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Cao dương tráng thận Xuân Quang	Mỗi chai 250 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Dâm dương hoắc 22,5 g; Câu kỷ tử 20,0 g; Ngũ vị tử 20,0 g; Ba kích 20,0 g; Phục linh 17,5 g; Đỗ trọng 17,5 g; Thục địa 17,5 g; Đảng sâm 17,5 g; Hoàng kỳ 10,0 g; Cao dương thận 10,0 g	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 250 ml; hộp 1 chai 280 ml	VD-30992-18
67	Cao dương tráng thận Xuân Quang	Mỗi lọ 50 g hoàn cứng chứa: Câu kỷ tử 5,78 g; Đỗ trọng 5,78 g; Ngũ vị tử 5,78 g; Ba kích	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 50 gam	VD-30993-18

		5,78 g; Thục địa 5,78 g; Dâm dương hoắc 5,78 g; Đàng sâm 5,78 g; Phục linh 2,89 g; Hoàng kỳ 2,89 g; Cao dương thận 2,89 g					
--	--	---	--	--	--	--	--

35. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long (Đ/c: Số 2 Đường 430, Ấp 1, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh -)

35.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long (Đ/c: Số 2 Đường 430, Ấp 1, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Kim long	Mỗi gói 4g chứa: Đạ hoàng 0,6 g; Ké đầu ngựa 0,6 g; Mộc tặc 0,6 g; Huyền sâm 0,6 g; Cam thảo 0,56 g; Cỏ nhọ nồi 0,56 g	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4 g	VD-30994-18

36. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II (Đ/c: Xã Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên - Việt Nam)

36.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II (Đ/c: Xã Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
69	Hansokgin tam thất	Cao đặc tam thất (tương đương 750mg Tam thất) 120mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	VD-30995-18

37. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm (Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

37.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm (Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

70	Malibic 15	Meloxicam 15mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vi x 10 viên; Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-30996-18
71	Malibic 7,5	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vi x 10 viên; Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-30997-18

38. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Khoa học Dinh dưỡng Orgalife (Đ/c: Số 2- Đường 11 - Phường Tân Phú - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

38.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần SPM (Đ/c: Lô 51- Đường số 2- KCN Tân Tạo- P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân- TP. HCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
72	Clopidogrel 300	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 300mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-30998-18

38.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, Tp. Thái Bình - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
73	Hữu quy - Orgalife	Mỗi viên nang chứa 360mg cao khô tương đương hỗn hợp dược liệu: Thực địa 680mg, Hoài Sơn 340mg, Sơn Thù 255mg, Câu kỷ tử 340mg, Đỗ trọng 340mg, Thỏ ty tử 340mg, Hắc phụ tử 340mg, Quế nhục 340mg, Đương quy 255mg, Lộc giác giao 340mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vi x 10 viên, 06 vi x 10 viên	VD-30999-18

74	Phyllanthi	Mỗi gói 3g chứa: Cao khô diệp hạ châu (tương đương 5000mg dược liệu diệp hạ châu) 500mg	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói, 30 gói, 40 gói, 50 gói x 3g	VD-31000-18
----	------------	--	-----------	----------	------	---	-------------

39. Công ty đăng ký: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam. (Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM - Việt Nam)

39.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam. (Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Mediprist	Mifepriston 200mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VD-31001-18

40. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma (Đ/c: 272C, khu 3, TT. Đức Hòa, huyện Đức Hòa, Long An - Việt Nam)

40.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma (Đ/c: 272C, khu 3, TT. Đức Hòa, huyện Đức Hòa, Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
76	Crinaphusa- Trinh nữ hoàng cung	Cao khô Trinh nữ hoàng cung (tương đương Trinh nữ hoàng cung 2000mg) 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên	VD-31002-18
77	Desmodips	Cao khô hỗn hợp dược liệu 125mg (tương đương với: Kim tiền thảo 1000mg; Râu ngô 1000mg)	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên	VD-31003-18

41. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Nam Dược (Đ/c: Lô M 13 (C4-9) - Khu Công nghiệp Hoà Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

41.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Nam Dược (Đ/c: Lô M 13 (C4-9) - Khu Công nghiệp Hoà Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
78	Nam dược hộ tâm đan	Cao khô Đan sâm (tương đương 1000 mg Đan sâm) 80 mg; Bột mịn Tam thất 70 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 60 viên; Hộp 5 vi x 20 viên	VD-31004-18

42. Công ty đăng ký: Công ty TNHH US Pharma USA (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

42.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Abvaceff 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nén bao phim (màu hồng)	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vi x 10 viên, 2 vi x 10 viên, 3 vi x 10 viên	VD-31005-18
80	Bromhexin-US 4mg	Bromhexin hydrochlorid 4mg	Viên nén (màu xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x10 viên, 5 vi x 10 viên, 10 vi x 10 viên	VD-31006-18
81	Bromhexin-US 8mg	Bromhexin hydrochlorid 8mg	Viên nén (màu xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên, 05 vi x 10 viên, 10 vi x 10 viên	VD-31007-18
82	Topcefpo 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nang cứng (Xanh lá-Hồng)	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vi x 10 viên, 2 vi x 10 viên, 3 vi x 10 viên	VD-31008-18

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường